

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
THỦY SẢN MIỀN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 – 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 – 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán

5 – 6

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

9 – 47

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Vĩnh Hòa	Chủ tịch
Ông Trần Mạnh Hữu	Phó Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Thường	Thành viên
Bà Trần Như Thiên My	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Phước Thái	Trưởng ban
Ông Trần Hữu Hoàng	Thành viên
Bà Phan Minh Khuê	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là bà Trần Như Thiên My - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Số: 33/2022/BCKT-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2022 từ trang 5 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 4.2, Kiểm toán viên không thu thập được Báo cáo tài chính cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư New City Seadanang, các thủ tục thay thế cũng không thực hiện được. Tổng giá gốc của khoản đầu tư liên kết nêu trên tại ngày 31/12/2021 là 18.365.570.000 VND. Với hạn chế này chúng tôi không thể xem xét việc dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo quy định. Do hạn chế phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về ảnh hưởng của khoản đầu tư nêu trên đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này theo báo cáo kiểm toán số A0620053-TH-1/AISDN-DN ngày 22/03/2021. Vấn đề ngoại trừ này được nhắc lại trong báo cáo kiểm toán năm nay do Công ty chưa giải quyết.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1334-2021-240-1

Nguyễn Hà Định
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2883-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		356.995.376.429	274.204.554.389
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	78.204.954.101	38.979.371.789
1. Tiền	111		78.204.954.101	38.979.371.789
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.816.154.575	72.587.036.385
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	166.934.348.392	158.555.607.841
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.184.687.289	4.853.097.228
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	29.551.871.709	579.947.980
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(93.854.752.815)	(91.401.616.664)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		171.598.562.208	159.891.950.692
1. Hàng tồn kho	141	4.7	171.598.562.208	159.891.950.692
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.375.705.545	2.746.195.523
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	2.294.419.187	1.373.133.276
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.025.585.336	1.113.913.135
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	55.701.022	259.149.112
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		95.648.106.254	81.909.629.362
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		74.562.616.317	60.872.451.922
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	71.544.016.279	57.811.685.217
Nguyên giá	222		249.115.540.662	225.780.134.807
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.571.524.383)	(167.968.449.590)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	3.018.600.038	3.060.766.705
Nguyên giá	228		5.315.374.111	5.315.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.296.774.073)	(2.254.607.406)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	50.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	-	50.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	20.987.177.440	20.987.177.440
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.365.570.000	18.365.570.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.121.607.440	2.121.607.440
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		500.000.000	500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		98.312.497	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	98.312.497	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		452.643.482.683	356.114.183.751

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 01a - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		337.034.465.892	241.750.378.815
I. Nợ ngắn hạn	310		323.055.351.809	233.198.321.558
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	19.134.172.689	21.789.993.911
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.889.474	105.682.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	12.000.000	13.011.864
4. Phải trả người lao động	314		11.465.856.621	10.631.256.090
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	2.277.108.727	1.256.421.178
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.15	80.000.000	200.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	146.341.886.459	15.326.617.724
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	142.649.098.213	182.446.750.804
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.053.339.626	1.428.587.636
II. Nợ dài hạn	330		13.979.114.083	8.552.057.257
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	220.000.000	220.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	13.759.114.083	8.332.057.257
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.609.016.791	114.363.804.936
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18	115.609.016.791	114.363.804.936
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(101.650.000)	(101.650.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.388.233.760	11.388.233.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(15.677.566.969)	(16.922.778.824)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(16.922.778.824)	1.829.701.660
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.245.211.855	(18.752.480.484)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		452.643.482.683	356.114.183.751

**Trần Như Thiên My**
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng**Trần Thị Thanh Thủy**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02 - DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	859.356.487.914	709.010.165.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	714.737.957	228.013.910
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		858.641.749.957	708.782.151.473
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	793.668.569.672	649.531.646.098
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.973.180.285	59.250.505.375
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	4.451.457.690	5.036.670.392
7. Chi phí tài chính	22	5.5	13.149.951.423	22.552.896.942
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		12.869.160.968	11.849.595.332
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	16.231.041.329	13.437.936.821
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	36.931.554.965	47.239.635.286
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.112.090.258	(18.943.293.282)
12. Thu nhập khác	31	5.8	1.046.074.507	249.825.504
13. Chi phí khác	32	5.9	851.048.868	59.012.706
14. Lợi nhuận khác	40		195.025.639	190.812.798
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.307.115.897	(18.752.480.484)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	2.061.904.042	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.245.211.855	(18.752.480.484)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	104	(1.563)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	104	(1.563)

**Trần Như Thiên My**
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng**Trần Thị Thanh Thùy**
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		845.922.832.983	690.886.736.762
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(771.577.449.381)	(602.089.558.850)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(83.507.946.807)	(71.160.943.487)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(12.373.063.315)	(11.880.239.851)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.862.538.728)	(1.122.649)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		145.563.231.834	21.589.912.654
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(31.329.142.662)	(5.603.776.149)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		90.835.923.924	21.741.008.430
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.095.827.355)	(29.075.129.976)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		204.727.273	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.397.621.001
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		267.882.492	2.311.497.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.623.217.590)	(22.366.011.371)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	544.138.823.402	644.147.599.183
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(578.942.735.437)	(621.906.032.238)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.293.365)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(34.803.912.035)	22.231.273.580
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		38.408.794.299	21.606.270.639
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		38.979.371.789	17.226.220.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		816.788.013	146.880.447
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		78.204.954.101	38.979.371.789



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung theo Quyết định số 774/QĐ - BTS ngày 28/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 ngày 14/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 19 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/11/2020.

Ngày 16/03/2010, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom với mã SPD. Ngày 22/04/2010, Công ty có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn Upcom.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 120.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 878 (31 tháng 12 năm 2020 là: 852).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, sản xuất và chế biến thủy hải sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy sản: Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán ô tô, xe máy;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Đầu tư tài chính;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê kho; Cho thuê nhà và văn phòng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết 10/2021/NQ – HĐQT ngày 22/11/2021, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc dừng hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1.7. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 01 công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang	31 Ngũ Hành Sơn, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng	23,44%	23,44%	23,44%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

Tên	Địa chỉ
Công ty Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Thọ Quang	Khu công nghiệp Đà Nẵng - Phường Thọ Quang, Sơn Trà, Đà Nẵng
Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản	Lô 7A - Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc - Quảng Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2021	
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 12	năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07	năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06	năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất diện tích đất tại phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 3078 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất 261-263 Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, Đà Nẵng, Việt Nam, diện tích 301,2 m².
- Giá trị quyền sử dụng đất tại 166 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, diện tích 90,45m².

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa, bảo dưỡng... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

3.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và các mức thuế suất tính thuế TNDN như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 15% đối với thu nhập từ chế biến trong lĩnh vực thủy sản;
- Áp dụng mức thuế suất 20% đối với các thu nhập khác.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 0% đối với hoạt động xuất khẩu;
- Áp dụng mức thuế suất 5% đối với hoạt động bán hải sản trong nước;
- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động mua bán vật tư và cho thuê kho;
- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền mặt tại quỹ		200.512.007		415.260.763
VND		200.512.007		415.260.763
Tiền gửi ngân hàng		78.004.442.094		38.564.111.026
+ VND		5.767.114.031		7.834.509.901
+ USD	3.189.009,59 #	72.237.328.063	1.334.719,70 #	30.729.601.125
Cộng		78.204.954.101		38.979.371.789

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn:				
Trái phiếu ICB	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 50 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ngũ Hành Sơn, kỳ hạn 10 năm, lãi suất bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm, được chấp thuận mua vào ngày 21/06/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

		Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty CP Đầu tư New City Seadanang (*)	18.365.570.000		-		18.365.570.000
Cộng	18.365.570.000		-		18.365.570.000
Đầu tư vào đơn vị khác					
Công ty CP Long Hậu (**)	2.121.607.440		-	7.309.230.000	2.121.607.440
Cộng	2.121.607.440		-	7.309.230.000	4.730.313.000

(*) Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 cũng như các thông tin báo cáo tài chính của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư New City Seadanang để đánh giá việc trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 28/12/2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung gửi đến Công ty CP Đầu tư New City Seadanang thông báo số 281220/TB-TGD về việc hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/06/2016 kể từ ngày 05/01/2021.

Ngày 08/01/2021, Công ty đã nộp đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu phản tố, ngày 18/02/2021 đã bổ sung đơn phản tố, nội dung phản tố bao gồm:

- Công nhận việc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung hủy bỏ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD ngày 07/09/2016 vì lý do Công ty CP Đầu tư New City Seadanang đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng hợp tác theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 điều 423 Bộ Luật dân sự 2015;
- Giải quyết hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng hợp tác căn cứ theo quy định tại Điều 427 Bộ Luật dân sự 2015, cụ thể là: Khi hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐ.NC-SPD bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết nên Công ty CP Đầu tư New City Seadanang phải hoàn trả, bàn giao các tài sản góp vốn của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã bàn giao theo hợp đồng hợp tác.

Đến nay, Tòa án chưa tiến hành các bước tiếp theo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Long Hậu trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31/12/2021 là 53.000 VND/cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ là 137.910 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Marubeni Corporation	26.686.046.019	17.711.155.407
Maruha Nichiro Sea foods INC	26.982.360.603	26.722.604.045
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	23.986.810.400	23.986.810.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân	19.180.435.650	19.480.435.650
Công ty Cổ phần Inox Hòa Bình	31.820.416.195	31.820.416.195
Các khách hàng khác	38.278.279.525	38.834.186.144
Cộng	166.934.348.392	158.555.607.841

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Seatecco	-	330.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây Dựng NHL	-	812.000.000
Công ty TNHH Cơ điện Thiên Lộc Phát	-	2.471.685.565
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghiệp Á Châu	-	630.850.000
Công ty TNHH MSC Việt Nam	337.382.400	-
Công ty TNHH Phần mềm Fast	252.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	595.304.889	608.561.663
Cộng	1.184.687.289	4.853.097.228

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	5.500.000	-
Ký quỹ mở LC UPAS	29.022.038.895	-	-	-
Tạm ứng	44.970.547	-	62.098.650	-
Phải thu bảo hiểm	215.543.842	-	277.974.157	-
Phải thu khác	264.318.425	-	234.375.173	-
Cộng	29.551.871.709	-	579.947.980	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	96.736.021.505	2.881.268.690	91.401.616.664	-
Cộng	96.736.021.505	2.881.268.690	91.401.616.664	-

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã tồn tại lâu và chưa thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021				Tại ngày 01/01/2021			
	VND		VND		VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Inox Đại Phát	2.178.000.000	-	Từ 3 năm trở lên	2.178.000.000	-	Từ 3 năm trở lên	2.178.000.000	-
Công ty CP Inox Hòa Bình	31.820.416.195	-	Từ 3 năm trở lên	31.820.416.195	-	Từ 3 năm trở lên	31.820.416.195	-
Công ty TNHH Cơ Khí Đóng Tàu Hà Đức	3.812.860.589	-	Từ 3 năm trở lên	3.812.860.589	-	Từ 3 năm trở lên	3.812.860.589	-
Công ty CP XNK Thép Phú Lâm	9.994.961.290	-	Từ 3 năm trở lên	9.994.961.290	-	Từ 3 năm trở lên	9.994.961.290	-
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đức Quân	19.180.435.650	-	Từ 3 năm trở lên	19.180.435.650	-	Từ 3 năm trở lên	19.480.435.650	-
Công ty CP Đầu tư 3GR	23.986.810.400	-	Từ 3 năm trở lên	23.986.810.400	-	Từ 3 năm trở lên	23.986.810.400	-
DNTN TMDV XNK Hợp Thành Công	2.022.218.557	1.011.109.279	Từ 3 năm trở lên	-	-	-	-	-
Công ty TNHH TM Tân Vinh Thái	3.740.318.824	1.870.159.411	Từ 3 năm trở lên	-	-	-	-	-
Công ty CP Bé Tổng Ly Tâm Dung Quất	-	-	-	128.132.540	-	Từ 3 năm trở lên	128.132.540	-
Cộng	96.736.021.505	2.881.268.690		91.401.616.654	-		91.401.616.654	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.448.976.390	-	9.494.295.426	-
Công cụ, dụng cụ	672.886.317	-	435.990.639	-
Chi phí SX, KD dở dang	157.558.657.850	-	148.942.918.742	-
Thành phẩm	900.442.559	-	962.511.885	-
Hàng hóa	17.599.092	-	56.234.000	-
Cộng	171.598.562.208	-	159.891.950.692	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 157.558.657.850 VND.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND
Công trình cải tạo và mở rộng phân xưởng 2	-	50.000.000
Cộng	-	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	75.784.069.340	144.312.432.152	4.130.172.385	1.553.460.930	225.780.134.807
Mua trong năm	1.183.157.273	22.614.489.327	-	-	23.797.646.600
Thanh lý, nhượng bán	-	(462.240.745)	-	-	(462.240.745)
Tại ngày 31/12/2021	76.967.226.613	166.464.680.734	4.130.172.385	1.553.460.930	249.115.540.662
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	63.004.714.602	102.146.153.395	1.768.357.936	1.049.223.657	167.968.449.590
Khấu hao trong năm	2.500.610.388	6.986.790.625	456.438.286	121.476.239	10.065.315.538
Thanh lý, nhượng bán	-	(462.240.745)	-	-	(462.240.745)
Tại ngày 31/12/2021	65.505.324.990	108.670.703.275	2.224.796.222	1.170.699.896	177.571.524.383
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	12.779.354.738	42.166.278.757	2.361.814.449	504.237.273	57.811.685.217
Tại ngày 31/12/2021	11.461.901.623	57.793.977.459	1.905.376.163	382.761.034	71.544.016.279

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 27.169.742.925 VND.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 139.925.598.320 VND.

Không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	5.062.374.111	253.000.000	5.315.374.111
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	5.062.374.111	253.000.000	5.315.374.111
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	2.201.899.071	52.708.335	2.254.607.406
Khấu hao trong năm	-	42.166.667	42.166.667
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	2.201.899.071	94.875.002	2.296.774.073
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	2.860.475.040	200.291.665	3.060.766.705
Tại ngày 31/12/2021	2.860.475.040	158.124.998	3.018.600.038

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 2.860.475.040 VND.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.201.899.071 VND.

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	216.094.000	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	433.028.336	519.558.437
Chi phí dịch vụ ký quỹ L/C Upas	553.114.551	-
Các khoản khác	1.092.182.300	853.574.839
Cộng	2.294.419.187	1.373.133.276
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	98.312.497	-
Cộng	98.312.497	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hải Nam	1.752.368.170	1.752.368.170	1.741.423.200	1.741.423.200
Công ty TNHH Kỹ thuật cơ nhiệt Vinh Quang	3.585.660.000	3.585.660.000	2.111.400.000	2.111.400.000
FALCON MARINE EXPORTS LTD	-	-	9.785.278.505	9.785.278.505
TOKAI DENPUN CO., LTD	-	-	2.278.973.138	2.278.973.138
Công ty Cổ phần Đông Á	1.113.151.500	1.113.151.500	834.550.750	834.550.750
Danica Aqua Exports Private Limited	1.983.258.432	1.983.258.432	-	-
ST.PETER&PAUL	2.172.128.400	2.172.128.400	-	-
Svr Seafoods Exports Private Limited	2.775.061.920	2.775.061.920	-	-
Các đối tượng khác	5.752.544.267	5.752.544.267	5.038.368.318	5.038.368.318
Cộng	19.134.172.689	19.134.172.689	21.789.993.911	21.789.993.911

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra	-	12.000.000	1.779.716.486	1.780.728.350	-	13.011.864
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	97.924.171	97.924.171	-	-
Thuế nhập khẩu	6.795.465	-	-	6.795.465	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.889.549	-	2.061.904.042	1.862.538.728	209.254.863	-
Thuế thu nhập cá nhân	39.016.008	-	440.775.701	429.897.460	49.894.249	-
Thuế tài nguyên	-	-	56.647.200	56.647.200	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.735.219.438	1.735.219.438	-	-
Các loại thuế khác	-	-	847.146.600	847.146.600	-	-
Cộng	55.701.022	12.000.000	7.019.333.638	6.816.897.412	259.149.112	13.011.864

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Lãi vay dự trả	113.728.737	82.408.073
Tiền thuê đất	1.077.169.440	807.877.085
Trích trước chi phí vận chuyển	742.571.600	178.404.220
Các khoản trích trước khác	343.638.950	187.731.800
Cộng	2.277.108.727	1.256.421.178

4.15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Doanh thu nhận trước cho thuê nhà	80.000.000	200.000.000
Cộng	80.000.000	200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.16. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.000.000.000	1.000.000.000
Kinh phí công đoàn	481.366.872	435.228.819
BHXXH, BHYT, BHTN	-	6.736.118
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	235.391.495	270.913.040
Ngân hàng TMCP Công thương VN	13.408.819.069	-
- CN Đà Nẵng - LC UPAS		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN	20.863.682.922	-
- CN Đà Nẵng - LC UPAS		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	89.365.451.075	12.596.849.244
- CN Đà Nẵng - LC UPAS		
Ngân hàng TMCP hàng Hải Việt Nam	20.064.625.942	-
- Chi nhánh Đà Nẵng - LC UPAS		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	694.000.000	694.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	228.549.084	322.890.503
Cộng	146.341.886.459	15.326.617.724
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	220.000.000	220.000.000
Cộng	220.000.000	220.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THÙY SÂN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùì Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	USD	VND		USD	VND	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Vay ngắn hạn (VND)						
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN		113.366.662.648	113.366.662.648	397.882.307.964	98.054.266.229	98.054.266.229
- CN Ngũ Hành Sơn		20.667.590.433	20.667.590.433	70.734.473.054	28.436.865.522	28.436.865.522
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam		32.401.681.951	32.401.681.951	76.960.370.829	18.092.692.674	18.092.692.674
- CN Đà Nẵng						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN		47.524.704.850	47.524.704.850	222.367.050.708	45.427.654.142	45.427.654.142
- CN Đà Nẵng						
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		12.772.685.414	12.772.685.414	27.820.413.373	6.097.053.891	6.097.053.891
- Chi nhánh Đà Nẵng						
- Vay ngắn hạn (USD)	1.072.740,34 #	24.663.195.849	24.663.195.849	135.713.166.708	81.930.787.575 #	81.930.787.575
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN	- #	-	-	9.269.964.000	186.628,00 #	4.334.995.184
- CN Ngũ Hành Sơn						
+ Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	653.536,34 #	14.972.517.549	14.972.517.549	69.476.521.636	37.087.990.728	37.087.990.728
- CN Đà Nẵng						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	60.410,00 #	1.384.597.200	1.384.597.200	36.814.810.823	22.523.364.791	22.523.364.791
- CN Đà Nẵng						
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	358.794,00 #	8.306.081.100	8.306.081.100	20.151.870.249	17.984.436.872	17.984.436.872
- Chi nhánh Đà Nẵng						
- Nợ dài hạn đến hạn trả						
+ Ngân hàng TM CP Công thương VN		4.619.239.716	4.619.239.716	4.619.239.716	2.461.697.000	2.461.697.000
- CN Ngũ Hành Sơn		1.644.000.000	1.644.000.000	1.644.000.000	1.920.000.000	1.920.000.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		2.975.239.716	2.975.239.716	2.975.239.716	541.697.000	541.697.000
- Chi nhánh Đà Nẵng						
Cộng		142.649.098.213	142.649.098.213	538.214.714.388	182.446.750.804	182.446.750.804

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	USD		VND		USD	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
- Vay dài hạn + Ngân hàng TM CP Công thương VN - CN Ngũ Hành Sơn + Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	13.759.114.083	13.759.114.083	10.976.665.000	5.549.608.174	8.332.057.257	8.332.057.257
	3.909.080.000	3.909.080.000	-	1.575.000.000	5.484.080.000	5.484.080.000
	9.850.034.083	9.850.034.083	10.976.665.000	3.974.608.174	2.847.977.257	2.847.977.257
	13.759.114.083	13.759.114.083	10.976.665.000	5.549.608.174	8.332.057.257	8.332.057.257
Cộng						
Tổng cộng	156.408.212.296	156.408.212.296	549.191.379.388	583.561.975.153	190.778.808.061	190.778.808.061

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng	Hợp đồng số 02.06/2021/H ĐTD ngày 14/06/2021	60.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	<ul style="list-style-type: none">- Bảng tài tôm bột BTTB-300-9LP sản xuất tại Việt Nam (03 bảng tài) thuộc sở hữu của KH.- Máy đá vảy MĐV-20T, sản xuất tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH.- Xe ô tô Toyota Camry, model code: ASV70L-Jetku, xe mới 100%, sản xuất năm 2019.- Thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg/h Glory Thermal JCT-S 500 thuộc sở hữu của KH.- Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH.- 2 máy đông gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH.- Máy rửa đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH.- Máy đông gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH.- Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH.- Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
						<ul style="list-style-type: none">- Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH.- Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH.- Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH.- Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH.- Cụm máy nén trục vít MYCOM thuộc sở hữu của KH.- Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 32/2021/VCB_KHDN ngày 19/04/2021	80.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn động	Thế chấp tài sản là BĐS theo Hợp đồng bảo đảm số 47/2010/VCB-ĐN ngày 20/10/2010. <ul style="list-style-type: none">- Thế chấp tài sản là động sản theo Hợp đồng số 29/2011/VCB-KHDN ngày 30/03/2011.- Thế chấp tài sản là động sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2011/VCB_KHDN ngày 06/05/2011.- Thế chấp tài sản là HTK luân chuyển theo Hợp đồng bảo đảm số 26/2019/VCB-KHDN ngày 10/05/2019.- Thế chấp tài sản là Quyền đòi nợ theo Hợp đồng đảm bảo số 25/2019/VCB-KHDN ngày 10/05/2019.
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 2000-LAV-202001168 ngày 24/09/2020	80.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn động	<ul style="list-style-type: none">- Thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung địa chỉ 261-263 Phan Châu Trinh.- Thế chấp tài sản là Phấn xường chế biến số 3 và kho lạnh 800 tấn.
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	Hợp đồng số 08.2021/HĐT D/AGR_SEA ngày 20/08/2021	80.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn động	<ul style="list-style-type: none">- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Miền Trung tại thửa đất số 59, tờ bản đồ số 16, địa chỉ 261-263 Phan Châu Trinh, p. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 280282 (Số vào sổ cấp GCN: T 01657) do UBND TP. Đà Nẵng cấp ngày 18/04/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2000LAV2011/HĐT/SEA ký kết ngày 06 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
						07 năm 2011
Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam- CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2021/HĐC VHM/NHCT48 6-SEA ngày 31/05/2021	35.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động	- Thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018/HĐTCTS ngày 01/06/2006. - Thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 018-SEA/TH ngày 08/12/2006. - Thế chấp toàn bộ dây chuyền sản xuất thức ăn nuôi tôm. - Thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2013/HĐTC-QTS.

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam- CN Ngũ Hành Sơn	Hợp đồng số 01/2018-HĐCVTL/NHC T486-SEA	10.900.000.000 VND	84 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư 01 thiết bị cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, máy nén, dàn ngưng và 02 máy dò kim loại Model KDS 4510ABW phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản	- Dây chuyền cấp đông IQF siêu tốc 750kg/h, tái đông 900kg/h, Glory Thermal Jet – M7505; - Hệ thống máy nén, dàn ngưng; - Máy dò kim loại Model KDS451ABW.
	Hợp đồng số 01/2019/HĐB Đ/NHCT486/SEA	2.400.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Thanh toán đợt 2 40% tiền mua máy hấp luộc Anh Phát.	- Máy hấp 750kg/h, chế tạo Anh Phát, model MH-750-TN, công dụng hấp tôm và các sản phẩm khác.
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN Đà Nẵng	Hợp đồng số 16.06B/2020/HĐCV	3.360.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư máy móc thiết bị là thiết bị cấp đông siêu tốc 500kg/h	- Hợp đồng thế chấp số 20.03A/2020/BĐ và 20/03B/2020/BĐ ngày 20/03/2020. - Hợp đồng thế chấp số 26.03/2020/BĐ ngày 26/03/2020. - Thế chấp thiết bị cấp đông siêu tốc đơn 500kg.h GLORY JCT.
	Hợp đồng số	1.600.000.000	60 tháng	Theo giấy	Đầu tư tài sản phục	- Thế chấp bằng tài tôm bột BTTB-300-9LP sản xuất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối tượng	Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
	20.03/2020/H ĐCV	VND		nhận nợ cụ thể	vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mới 01 xe ô tô 5 chỗ hiệu Toyota Camry	tại Việt Nam (03 bằng tài). - Thẻ chấp Máy đá Vảy MĐV-20t, sản xuất tại Việt Nam. - Xe ô tô Toyota Camry
	Hợp đồng số 02.06/2021/H ĐTD	11.250.000.000 VND	60 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Đầu tư tài sản là máy móc thiết bị và xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Xe ô tô tải (thùng kín), sản xuất năm 2020 tại Việt Nam thuộc sở hữu của KH. - 2 máy đóng gói hút chân không, mã hiệu J-V006 thuộc sở hữu của KH. - Máy rửa đông cá, mã hiệu MRD-1T-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đóng gói hút chân không dạng băng tải, Model: J-V021 thuộc sở hữu của KH. - Máy dò kim loại Anritsu, Model: KDS4510BW thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột khô, mã hiệu MDB-300-TN thuộc sở hữu của KH. - Máy đánh bột nước, mã hiệu MKB-TN thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 450kW thuộc sở hữu của KH. - Dàn ngưng công suất 1000kW thuộc sở hữu của KH. - Máy dò tạp chất Xray thuộc sở hữu của KH. - Cụm máy nén trục vít MYCOM thuộc sở hữu của KH. - Thiết bị cấp đông IQF công suất 500kg/h thuộc sở hữu của KH.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	2.259.701.660	133.546.285.420
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(18.752.480.484)	(18.752.480.484)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(430.000.000)	(430.000.000)
Tại ngày 01/01/2021	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(16.922.778.824)	114.363.804.936
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.245.211.855	1.245.211.855
Tại ngày 31/12/2021	120.000.000.000	(101.650.000)	11.388.233.760	(15.677.566.969)	115.609.016.791

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam	43.675.380.000	43.675.380.000
Vốn góp của các cổ đông khác	76.324.620.000	76.324.620.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.245.211.855	(18.752.480.484)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	1.245.211.855	(18.752.480.484)
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	104	(1.563)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.245.211.855	(18.752.480.484)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LNST	-	-
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.245.211.855	(18.752.480.484)
Số lượng CP phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.000.000	12.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	104	(1.563)

Lãi cơ bản/ lãi suy giảm năm 2021 được tính dựa trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế do Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông không quy định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2021 USD	Tại ngày 01/01/2021 USD
Ngoại tệ các loại USD	3.189.009,59	1.334.719,70
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:	87.511.000	87.511.000
Công ty TNHH Mỹ Đức - Xóa sổ do tồn đọng lâu	1.540.050.033	1.540.050.033
Seatraco - Xóa sổ do Doanh nghiệp phá sản	318.571.653	318.571.653
Công ty TNHH Tân Hải Hưng - Xóa sổ do tồn đọng lâu	128.132.540	-
Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Dung Quất - Xóa sổ do tồn đọng lâu	263.869.535	263.869.535
Các cá nhân khác - Xóa sổ do tồn đọng lâu		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu hải sản	826.388.220.244	678.339.470.033
Doanh thu sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	19.092.882.327	17.710.196.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.875.385.343	12.960.498.800
Cộng	859.356.487.914	709.010.165.383

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chiết khấu thương mại	134.811.813	103.239.910
Giảm giá hàng bán	579.926.144	124.774.000
Cộng	714.737.957	228.013.910

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hải sản	770.660.708.446	628.490.494.428
Giá vốn sản xuất thức ăn tôm, cá gia súc	16.378.698.268	14.885.245.283
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.629.162.958	6.155.906.387
Cộng	793.668.569.672	649.531.646.098

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	5.919.304	7.165.249
Lãi đầu tư	36.500.000	1.814.147.191
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.029.000	471.029.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	4.147.009.386	2.446.454.930
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	297.874.022
Cộng	4.451.457.690	5.036.670.392

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí tài chính**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.869.160.968	11.849.595.332
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	10.772.546
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	10.679.235.540
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	280.790.455	-
Phí lưu ký chứng khoán	-	13.293.524
Cộng	13.149.951.423	22.552.896.942

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	793.481.892	1.070.453.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	15.437.559.437	12.367.482.849
Cộng	16.231.041.329	13.437.936.821

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.139.366.972	24.877.668.695
Chi phí đồ dùng văn phòng	756.128.379	323.342.166
Chi phí khấu hao TSCĐ	898.829.522	880.952.941
Thuế, phí, lệ phí	5.054.168	1.740.219.438
Chi phí dự phòng	2.881.268.691	12.730.173.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.071.884.345	2.690.616.359
Chi phí bằng tiền khác	2.479.022.888	3.996.661.872
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(300.000.000)	-
Cộng	36.931.554.965	47.239.635.286

5.8. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản	204.727.273	57.244.120
Tiền vi phạm hợp đồng thuê nhà 263 PCT	-	150.000.000
Thu nhập khác	841.347.234	42.581.384
Cộng	1.046.074.507	249.825.504

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế	844.136.222	38.937.623
Chi phí khác	6.912.646	20.075.083
Cộng	851.048.868	59.012.706

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.307.115.897	(18.752.480.484)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	576.869.304	29.319.391
Cộng:	1.368.992.256	634.022.425
- <i>Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	312.000.000	312.000.000
- <i>Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế, phạt hành chính</i>	844.136.222	-
- <i>Lãi CLTG đánh giá lại năm trước tiền và nợ phải thu</i>	133.674.034	283.084.802
- <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	79.182.000	38.937.623
Trừ:	792.122.952	604.703.034
- <i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	262.029.000	471.029.000
- <i>Lãi CLTG đánh giá lại cuối năm tiền và nợ phải thu</i>	530.093.952	133.674.034
Tổng thu nhập chịu thuế	3.883.985.201	(18.723.161.093)
- <i>Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế</i>	6.046.779.057	(8.519.138.273)
- <i>Thu nhập của hoạt động khác</i>	(2.162.793.856)	(10.204.022.820)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	3.883.985.201	-
Tổng thu nhập tính thuế	-	(18.723.161.093)
- <i>Hoạt động ưu đãi</i>	-	(8.519.138.273)
- <i>Hoạt động không ưu đãi</i>	-	(10.204.022.820)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
<i>Thuế suất thuế TNDN hoạt động ưu đãi</i>	15%	15%
<i>Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác</i>	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- <i>Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế</i>	-	-
- <i>Thuế TNDN của hoạt động khác</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.061.904.042	-
Trong đó:		
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này</i>	-	-
- <i>Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này</i>	2.061.904.042	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	751.157.526.782	542.452.761.287
Chi phí nhân công	29.387.345.738	95.954.049.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.107.482.205	8.820.752.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.323.414.617	46.368.051.389
Chi phí khác bằng tiền	2.802.631.715	5.745.119.310
Cộng	851.778.401.057	699.340.734.069

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	544.138.823.402	644.147.599.183
Cộng	544.138.823.402	644.147.599.183

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	578.942.735.437	621.906.032.238
Cộng	578.942.735.437	621.906.032.238

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý kinh doanh như sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy Sản
- Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Chi nhánh Hồ Chí Minh		Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bộ phận	2.286.306.667	1.599.835.047	19.492.882.327	17.482.182.640	-	-
- Từ khách hàng bên ngoài	2.286.306.667	1.599.835.047	19.492.882.327	17.482.182.640	-	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	1.593.873.045	553.317.692	18.187.570.892	17.135.081.489	785.335	-
- Từ khách hàng bên ngoài	1.593.873.045	553.317.692	18.187.570.892	17.135.081.489	785.335	-
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	692.433.622	1.046.517.355	1.305.311.435	347.101.151	(785.335)	-
Lãi vay	28.208.705	75.731.884	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hỗ tài chính khác	330.688	-	1.581.423	-	30.610	-
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(27.878.017)	(75.731.884)	1.581.423	-	30.610	-
Thu nhập khác	770.000	-	38.543.398	485.934	-	-
Chi phí khác	-	29.702	402.450	75.083	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động khác	770.000	(29.702)	38.140.948	410.851	-	-
Lợi nhuận trước thuế	665.325.605	970.755.769	1.345.033.806	347.512.002	(754.725)	-
Thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	665.325.605	970.755.769	1.345.033.806	347.512.002	(754.725)	-
Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Chi nhánh Hồ Chí Minh		Công ty PTNL Thủy sản		Công ty CB & XK TS Thọ Quang	
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tài sản bộ phận	-	10.992.705.274	9.756.755.971	9.497.709.463	59.809.735	80.854.600
Tổng tài sản	-	10.992.705.274	9.756.755.971	9.497.709.463	59.809.735	80.854.600
Nợ phải trả bộ phận	-	2.611.162.816	1.189.241.027	930.194.519	59.809.735	80.854.600
Tổng nợ phải trả	-	2.611.162.816	1.189.241.027	930.194.519	59.809.735	80.854.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý	Văn phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bộ phận	836.862.560.963	689.700.133.786	-	-	858.641.749.957	708.782.151.473
- Từ khách hàng bên ngoài	836.862.560.963	689.700.133.786	-	-	858.641.749.957	708.782.151.473
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Chi phí bộ phận	827.048.936.694	692.520.819.024	-	-	846.831.165.966	710.209.218.205
- Từ khách hàng bên ngoài	827.048.936.694	692.520.819.024	-	-	846.831.165.966	710.209.218.205
- Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Lãi (lỗ) hoạt động KD	9.813.624.269	(2.820.685.238)	-	-	11.810.583.991	(1.427.066.732)
Lãi vay	12.869.160.968	11.849.595.332	(28.208.705)	(75.731.884)	12.869.160.968	11.849.595.332
Lãi (lỗ) hữ tài chính khác	4.196.933.219	(5.666.631.218)	(28.208.705)	-	4.170.667.235	(5.666.631.218)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(8.672.227.749)	(17.516.226.550)	-	75.731.884	(8.698.493.733)	(17.516.226.550)
Thủ nhập khác	1.006.761.109	249.339.570	-	-	1.046.074.507	249.825.504
Chi phí khác	850.646.418	21.887.926	-	-	851.048.868	59.012.706
Lãi (lỗ) hoạt động khác	156.114.691	227.451.644	-	-	195.025.639	190.812.798
Lợi nhuận trước thuế	1.297.511.211	(20.109.460.144)	-	-	3.307.115.897	(18.752.480.484)
Thuế TNDN	2.061.904.042	173.151.725	-	-	2.061.904.042	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(764.392.831)	(20.282.611.869)	-	-	1.245.211.855	(18.752.480.484)
	Văn phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	445.496.903.950	339.516.404.559	(2.669.986.973)	(3.973.490.145)	452.643.482.683	356.114.183.751
Tổng tài sản	445.496.903.950	339.516.404.559	(2.669.986.973)	(3.973.490.145)	452.643.482.683	356.114.183.751
Nợ phải trả bộ phận	338.455.402.103	242.101.657.025	(2.669.986.973)	(3.973.490.145)	337.034.465.892	241.750.378.815
Tổng nợ phải trả	338.455.402.103	242.101.657.025	(2.669.986.973)	(3.973.490.145)	337.034.465.892	241.750.378.815

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND VND	Năm 2020 VND VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
Bà Trần Như Thiên My	650.380.527	663.412.504
Ông Nguyễn Anh Tuấn	522.619.482	540.554.104
Cộng	1.173.000.009	1.203.966.608
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao Hội đồng quản trị		
Ông Lê Vĩnh Hòa	96.000.000	94.000.000
Ông Trần Mạnh Hữu	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Mạnh Thường	72.000.000	74.000.000
Bà Trần Như Thiên My	72.000.000	72.000.000
Ông Đỗ Văn Sinh	72.000.000	72.000.000
Cộng	384.000.000	384.000.000

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao Ban kiểm soát		
Ông Trần Phước Thái	38.400.000	38.400.000
Ông Trần Hữu Hoàng	28.800.000	28.800.000
Ông Phạm Minh Khuê	28.800.000	28.800.000
Cộng	96.000.000	96.000.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Công ty đang phát sinh các vụ kiện thu hồi nợ với hai công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR. Theo đó:

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân: Ngày 21/01/2020, Công ty đã nộp hồ sơ, đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tại Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Qua nhiều phiên tòa xét xử, ngày 10/08/2020, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình ra Quyết định số 03/2020/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, quyết định có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

đưa ra tại công văn số 87/CV-ĐQ ngày 13/07/2020. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân mới chỉ thanh toán được 300.000.000 VND. Luật sư sẽ phải thực hiện yêu cầu thi hành án theo quyết định của Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình.

- Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR: Ngày 20/01/2020, Công ty đã nộp đơn khởi kiện với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đến Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Ngày 31/12/2020, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình. Ngày 29/04/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình lập biên bản hòa giải. Theo đó: đại diện Công ty giữ nguyên nội dung theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR đồng ý thanh toán nợ theo đơn khởi kiện. Ngày 11/5/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình gửi giấy báo triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Ngày 22/06/2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Thái Bình tuyên án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền 23.986.810.400 VND nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế số 1208 – 2017/3GR-SPD ngày 12/08/2017 và 10.827.246.434 VND nợ lãi tính từ ngày 01/12/2017 đến 22/6/2021, tổng cộng là 34.814.056.834 VND. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nợ trên, Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là 2.000.000 cổ phiếu FTM do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân phát hành là tài sản của bà Phạm Thị Hà theo hợp đồng cầm cố ngày 15 và 17/08/2017 để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR tiếp tục trả cho Công ty đến khi trả xong nợ.



Trần Như Thiên My
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Lê Thanh Phương
Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Thủy
Người lập

C.P. *
VẮNG *